

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 629/2020/DS-PT

Ngày: 03-7-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh

Bà Trần Thị Kim Quy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03-7-2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/DSPT ngày 08-05-2020 về việc
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án
nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2677/2020/QĐXXPT-DS ngày 25-5-
2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Landsberger Alle 273, 13055 Berlin.

Địa chỉ thường trú: 311 đường x, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Ông Đoàn Tiến D, sinh năm 1978 (Có
mặt).

Địa chỉ: 256/62 X, Phường Z, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy uỷ
quyền được Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức chứng nhận ngày 13-3-2019)

Bị đơn: Những người thừa kế tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn B (chết năm
2018):

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1958;

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1979;

3/ Ông Nguyễn Hoàng F, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: 153/16 Y, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17-4-2013 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô Thị Thu N và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Đoàn Tiến D trình bày:

Vào năm 2012, từ mối quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn cùng góp vốn kinh doanh nhà hàng ăn uống tại quận BT, bị đơn vay mượn của nguyên đơn các tài sản có giấy xác nhận của bị đơn, cụ thể:

- Ngày 09-6-2012, giấy xác nhận bị đơn mượn của nguyên đơn tiền mặt và vàng nhiều lần gồm: 110.000.000 đồng; 2.000 tiền Canada; 03 cây vàng SJC;

- Ngày 06-9-2012, giấy xác nhận bị đơn mượn của nguyên đơn tiền, vàng vào ngày 31-5-2012 gồm: 20.000.000 đồng; 05 chỉ vàng 9999.

Mục đích bị đơn mượn tiền của nguyên đơn là để góp vốn vào hoạt động nhà hàng. Sau đó, bị đơn không có thiện chí trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ nêu trên quy thành tiền, tổng cộng là 331.645.000 đồng.

Nay bị đơn đã chết vào năm 2018. Mặc dù nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn chết có để lại quyền về tài sản được thừa kế nhưng vẫn giữ yêu cầu buộc những người thừa kế của bị đơn là vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc H và hai con là bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Hoàng F phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ của bị đơn cho nguyên đơn là 331.645.000 đồng (Ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn B là bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Ông Nguyễn Văn B là chồng bà đã chết. Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Hoàng F và bà có nhận con nuôi là Nguyễn Thị Tuyết R nhưng ông B không biết, không có quyết định công nhận con nuôi, giấy khai sinh của bà R ghi họ tên cha “không rõ” và họ tên mẹ “Trần Thị Thiên N”. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1983 nên bà không còn liên hệ và không nhớ họ tên, địa chỉ cư trú của cha mẹ ông B.

Việc ông B có quan hệ làm ăn, vay mượn của nguyên đơn số tiền 331.645.000 đồng trước đó bà và các con không biết, bà mới biết khi nguyên đơn khởi kiện ra tòa vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1983, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, địa chỉ hộ khẩu của ông B là địa chỉ nhà của cha mẹ bà. Hơn nữa, ông B chết không để lại tài sản gì cho bà và các con, hiện bà cũng đau ốm bệnh tật không có khả năng lao động, không có điều kiện để có thể trả nợ thay cho ông B nên bà không đồng ý

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu nguyên đơn có chứng cứ chứng minh bà và các con được hưởng di sản thừa kế của ông B chết để lại thì bà và các con sẽ thực hiện nghĩa vụ trả số nợ này cho nguyên đơn.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn B là bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Hoàng F trình bày:

Ông Nguyễn Văn B là cha đã chết năm 2018. Việc cha mượn tiền của nguyên đơn họ không biết, cha mẹ sống ly thân, mỗi người đều lập gia đình có cuộc sống riêng nên không nắm được thông tin làm ăn vay mượn của cha, chỉ liên hệ hỗ trợ khi ốm đau. Cha chết không để lại tài sản gì nên phía bị đơn không có trách nhiệm phải trả nợ cho cha. Phía bị đơn đồng ý ủy quyền cho mẹ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, thống nhất với ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm số 409/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 227 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Thị Thu N đòi bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Hoàng F phải trả số tiền nợ của ông Nguyễn Văn B là 331.645.000 đồng (Ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Giành quyền khởi kiện cho nguyên đơn khởi kiện lại bằng vụ án khác khi có đủ chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Văn B chết để lại di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 16.582.250 đồng, cần trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.291.000 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/00075 ngày 25-4-2013 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nộp theo Giấy báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh số 267/TUAP ngày 24-4-2013). Bà Ngô Thị Thu N còn phải nộp án phí số tiền là 8.291.250 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Quyết định của bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, về thủ tục thi hành án.

Ngày 07-11-2019, nguyên đơn bà Ngô Thị Thu N có đơn kháng cáo yêu cầu: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 409/2019/DSST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; tuyên buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Hoàng F phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền 331.645.000 đồng (ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Lý do kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B vay tài sản của bà trong thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị Ngọc H, có giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn B. Bà H là vợ ông B nên bà H phải có trách nhiệm đối với số nợ này. Do ông B đã chết nên bà H cùng các con chung của bà và ông B là bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Hoàng F phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà N số tiền 331.645.000 đồng (ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 01/2020/QĐ-PT ngày 03-01-2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xác định Đơn kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người thừa kế tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn B (chết năm 2018) là bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Hoàng H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà phúc thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Nguyễn Văn B vay của nguyên đơn số tiền 331.645.000 đồng, năm 2013 nguyên đơn khởi kiện đòi nhưng đến năm 2018 ông B chết. Nguyên đơn yêu cầu vợ và các con của ông B phải trả cho nguyên đơn số tiền ông B vay, với lý do

ông Nguyễn Văn B vay tài sản của nguyên đơn trong thời kỳ hôn nhân giữa ông B với bà Nguyễn Thị Ngọc H. Do ông B chết nên bà H cùng các con chung của bà và ông B là bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Hoàng F phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà N số tiền 331.645.000 đồng.

[3] Xét thấy: Tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không chứng minh được số tiền ông Nguyễn Văn B vay là khoản nợ chung vợ chồng ông B và bà H. Giao dịch vay nợ từ khi xác lập cho đến quá trình thực hiện là giữa bà Nguyệt với cá nhân ông Nguyễn Văn B. Không có chứng cứ nào chứng minh bà H có tham gia vào giao dịch này, cũng không có chứng cứ nào chứng minh việc ông B vay số tiền này để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bà H và các con của bà không biết và không thừa nhận đây là nợ chung. Như vậy xác định số tiền nguyên đơn kiện đòi là khoản nợ riêng của ông Nguyễn Văn B và đây là nghĩa vụ riêng của ông Nguyễn Văn B, không có sự thỏa thuận hoặc bảo lãnh nào khác.

Tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại”.

Ông Nguyễn Văn B chết năm 2018, nguyên đơn không chứng minh được ông B có tài sản để lại, hàng thừa kế của ông B đến nay không ai được nhận bất kỳ tài sản nào là di sản của ông B nên họ không có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự 2015.

Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và giành quyền khởi kiện lại bằng vụ án khác khi chứng minh được ông Nguyễn Văn B có để lại di sản theo quy định pháp luật, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, như ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 409/2019/DS-ST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Thị Thu N đòi bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Hoàng F phải

trả số tiền nợ của ông Nguyễn Văn B là 331.645.000 đồng (Ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Giành quyền khởi kiện cho nguyên đơn khởi kiện lại bằng vụ án khác khi có đủ chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Văn B chết để lại di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Thu N phải chịu là 16.582.250 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.291.000 đồng (Biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/00075 ngày 25-4-2013 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh - nộp theo Giấy báo nộp tiền tạm ứng án phí số 267/TUAP ngày 24-4-2013 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh). Bà Ngô Thị Thu N còn phải nộp thêm số tiền là 8.291.250 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng (Biên lai thu AA/2019/0005960 ngày 18-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TAND Quận 1, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS (T.20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng